

Số: *19* /2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày *19* tháng *5* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất; sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 4 của Quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX, Kỳ họp Bất thường về Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh giai đoạn 2020-2024;

Theo đề-nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 103/TTr - STNMT ngày 18 tháng 4 năm 2022; Công văn số 1291/STNMT-KHTC ngày 13 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 – 2024 ban hành kèm

theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung vào Bảng số 2: Giá đất trồng cây hàng năm khác

Tại số thứ tự 04: phường Đạt Hiếu, thị xã Buôn Hồ: Vị trí 3: các khu vực còn lại: Giá đất 32.000 đồng/m².

2. Bổ sung vào Bảng số 6: Giá đất ở tại nông thôn

a) Huyện Cư M'gar:

DVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Ea Tar				
1	Đường Bê tông từ ngã tư chợ thôn 3, thôn 4	Từ ngã tư chợ thôn 3, thôn 4	Ngã tư đường đi thôn 5	250.000
2	Đường công chào thôn 2 (cấp phối)	Từ công chào thôn 2	Ngã 3 đường nhựa thôn 2	250.000
3	Đường bê tông thôn 2	Từ ngã 3 đường nhựa thôn 2	Hết đường bê tông đoạn Hội trường thôn 2	250.000
4	Đường công chào thôn 1 (cấp phối)	Từ công chào thôn 1	Đến ngã 3 giáp ranh đường bê tông Ea Tar – Ea H'đing	250.000
5	Đường nội thôn, thôn 4	Từ trường mẫu giáo Ea Tar mới	Đường nhựa liên xã Ea Tar – Ea H'đing	250.000
Xã Ea Kiết				
1	Đường liên thôn	Ngã tư trường Hoàng Văn Thụ	Hội trường thôn 2	280.000
		Ngã tư Trường Hoàng Văn Thụ	Ngã tư thôn 10 giáp Quốc lộ 29	250.000
		Cổng chào thôn 7 vào sâu 300m	Giáp thôn 2	200.000
		Ngã 3 nhà ông Thảo vào sâu 300m	Ngã 4 Hội trường thôn 6	250.000
		Ngã tư nhà ông Đoàn vào sâu 300m	Ngã tư nhà ông Duyên	250.000
		Cổng chào	Giáp đường	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		thôn 6 vào sâu 300 m	600	
		Cổng chào thôn 11 vào sâu 300m	Giáp đường thôn 9 đi Quốc lộ 29	250.000
2	Đường liên xã Ea Hđing	Ngã 3 nhà ông Mân vào sâu 300m	Đi giáp Quốc lộ 29	250.000
3	Đường liên xã Ea Mdroh	Ngã tư thôn 10 vào sâu 300m	Giáp buôn Ja Wâm B	250.000
Xã Ea Drong				
1	Khu dân cư còn lại buôn Yông B			300.000
2	Khu dân cư còn lại thôn Tân Sơn			300.000
3	Đường trung tâm đi xã Hòa Thuận	Ngã 3 đường nhà ông Y Yung Bya (bắt đầu khu dân cư buôn Kroa A	Cầu buôn Kroa A	600.000
4	Khu dân cư còn lại buôn Kroa A			450.000
5	Điểm dân cư mới buôn Gram B			250.000
Xã Cư Suê				
1	Các đường tiếp giáp với tỉnh lộ 8	Từ Đại lý Bích Giám (Buôn Sút Mgru)	Đến Tỉnh lộ 8 vào sâu 500m	2.400.000
		- Từ vào sâu 500m	- Đến 1.000m	1.500.000
		- Từ vào sâu 1.000m	- Đến Hết đường	1.000.000
		Từ Kho Thái Phúc	Đến vào sâu 500m	2.000.000
		Từ vào sâu 500m	Đến hết đường	1.800.000
		Từ Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Đến vào sâu 500m	1.800.000
		Từ vào sâu 500m	Đến 1.000m	1.200.000
2	- Khu dân cư còn lại buôn Sút Mgru phía Tây tỉnh lộ 8 (Thuộc ranh giới: Phía Nam và phía Tây giáp phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 8, phía Bắc giáp đường từ ngã ba cây phượng đến nhà ông Bắc).			1.500.000
	- Khu dân cư thôn 1, thôn 6, khu vực còn lại của buôn Sút			600.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
	Mgrur (trừ khu vực đã có)			

b) Huyện M'Đrăk:

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Ea Pil				
	Tuyến số 01, tuyến số 02 khu quy hoạch điểm dân cư thôn 1, xã Ea Pil			250.000

c) Huyện Krông Bông:

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Dang Kang				
1	Đường giao thông nông thôn	Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Y Nóih Niê	Hết đất vườn nhà ông Y Năm Ênuôl	150.000
		Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Y Bhem Byă	Hết đất vườn nhà ông Y Jing Byă	150.000
		Ngã 3 nhà ông Y Bliăng Niê	Hết đất vườn nhà ông Y Tă Niê	150.000
		Ngã 3 nhà ông Đặng Doãn	Hết đất vườn nhà ông Y Tắc Ayũn	150.000
		Ngã 3 nhà ông Trần Phú Quốc	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Tấn Hải	200.000
		Ngã 3 nhà ông Dương Văn Tư	Hết đất vườn nhà bà Nguyễn Thị Quý	150.000
		Ngã 3 nhà ông Lê Văn Hữu	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Tấn Bộ	150.000
Xã Hòa Phong				
		Từ đầu ranh vườn nhà ông	Hết vườn nhà bà Ngô Thị	120.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
1	Đường giao thông nông thôn	Nguyễn Tấn Quốc (Thôn 5)	Thìn (Thôn 6)	120.000
		Hết ranh thửa đất Trường Tiểu học buôn Tliêr	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Cư Đương (Buôn Tliêr)	

d) Huyện Krông Búk:

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Cư Pong				
1	Đường Km 57 vào xã Cư Pong (đường QL 14 cũ) đi vào xã Ea Sin	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Rung Niê (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 95)	Đến hết thửa đất nhà bà H Luyn Niê (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 12)	240.000
2	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Pong (đường QL 14 cũ)	Đầu ranh giới thửa đất nhà bà H Jun Niê (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 110)	Hết thửa đất nhà ông Ngô Văn Nhân (thửa đất số 200, tờ bản đồ số 108)	420.000
	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Né (đường QL14 cũ) (Điều chỉnh vị trí đoạn số 04 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới hộ Y Huyền Adrong (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 97)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Dũng Hoài (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 95)	360.000
	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Né (đường QL14 cũ) (Điều chỉnh vị trí đoạn số 05 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Dũng Hoài (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 95)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Rung Niê (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 95)	420.000
	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Né (đường QL14 cũ) (Điều chỉnh vị trí đoạn số 06 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới hộ Y Huyền Adrong (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 97)	Hết ranh giới trường La Văn Cầu	480.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Né (đường QL14 cũ) (Điều chỉnh vị trí đoạn số 07 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới trường La Văn Cầu	Hết cầu suối Ea Súp	240.000
Xã Ea Ngai				
1	Đường giao thông liên thôn	Thửa đất ông Nguyễn Hồng Sơn (thửa đất số 12, tờ bản số đồ 79)	Ngã ba thôn 3 - Tiếp giáp thửa đất nhà ông Lê Văn Hải (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 70)	300.000
2	Đường giao thông liên thôn	Cầu Ea Tút bắt đầu từ thửa đất nhà ông Hoàng Xuân Tảng (thửa đất số 193, tờ bản đồ số 30)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Minh Quy (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 66)	350.000
Xã Cư Né				
1	Đường Quốc Lộ 14 (cũ) đã bàn giao cho địa phương quản lý	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Thiu Niê (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 106)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ma Zu (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 104)	600.000
Xã Ea Sin				
1	Đường giao thông liên thôn	Giáp ranh xã Cư Né thửa đất ông Y Giết Ksor (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 27)	Ngã ba Buôn Ea Káp - Tiếp giáp thửa đất nhà ông Huỳnh Văn Nam (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 23)	200.000
Xã Pong Drang				
	Các đường song song với Quốc lộ 14			
1	Điều chỉnh vị trí: “Đoạn từ hết ngã ba công thôn Tân Lập 6 đến ngã ba đường đi Tĩnh lộ 8”	Nhà ông Nguyễn Văn Nguyệt (thửa đất số 141, tờ bản đồ	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Thanh Anh (thửa đất	650.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		74	383, tờ bản đồ 74)	
2	Điều chỉnh vị trí: “Từ hết trụ sở UBND huyện cũ đến hết Trung tâm dạy nghề” thành: “Đoạn từ hết công viên hóa thôn 9 đến hết trụ sở UBND huyện cũ”	Từ đầu ranh giới thửa đất 50, tờ bản đồ 62 (bà Nguyễn Thị Hội) đến hết ranh giới thửa đất 08, tờ bản đồ 62 (ông Nguyễn Trọng Hữu)		400.000
		Từ đầu ranh giới thửa đất 116, tờ bản đồ 32 (bà Trần Thị Thanh) đến hết ranh giới thửa đất 36, tờ bản đồ 32 (ông Lê Xuân Trinh)		370.000
Xã Chư Kbô				
1	Dọc Quốc lộ 14 (Điều chỉnh vị trí đoạn số 01 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Giáp ranh giới xã Pong Drang	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thuận (thửa số 15, tờ bản đồ 77	850.000
	Dọc Quốc lộ 14 (Điều chỉnh vị trí đoạn số 02 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới thửa đất bãi vật liệu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thuận (thửa số 15, tờ bản đồ 77	950.000
Các đường tiếp giáp với Quốc lộ 14				
1	Điều chỉnh vị trí: “Đường giao thông liên thôn Ea Nho”	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết thửa đất của hộ ông Hoàng Đình Đàm (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 29)	140.000
Đường giao thông liên thôn				
1	Điều chỉnh vị trí: “Đường giao thông liên thôn An Bình (Đoạn từ cầu đến NT Cao su)”	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Tân (thửa đất 26, tờ bản đồ 95	Hết thửa đất nhà ông Thắng (thửa đất 161, tờ bản đồ 92)	650.000

đ) Huyện Krông Năng

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Tam Giang				
1	Đường trục chính	Trường THCS Trần Hưng Đạo (thửa 52, tờ bản đồ 34)	Hết ranh giới đất trường THPT Tôn Đức Thắng (thửa đất 11, tờ bản đồ 34)	650.000
		Ngã Tư đèn Vàng (Thửa 68, tờ bản đồ 28)	Ngã tư đất ông Nguyễn Khoa Trinh (thửa 61, tờ bản đồ 28)	650.000
		Ngã tư đất ông Trần Văn Hậu (thửa 80, tờ bản đồ 28)	Hết ranh giới đất ông Trần Thanh Nam (thửa 07, tờ bản đồ 34)	450.000
		Ngã tư đất ông Trần Văn Hậu (thửa 73, tờ bản đồ 28)	Ngã tư đất ông Văn Chín (Thửa 177, tờ bản đồ 28)	650.000
		Hết ranh giới đất trường THPT Tôn Đức Thắng (thửa đất 11, tờ bản đồ 34)	Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Hậu (thửa 37, tờ bản đồ 34)	450.000
		Ngã tư đất nhà ông Lê Quang Liêm (thửa 210, tờ bản đồ 56)	Hết ranh giới đất ông Phan Thanh (thửa 62, tờ bản đồ 56)	450.000
		Ngã Tư Nhà ông Lê Văn Minh (Thửa 35, tờ bản đồ 52)	Hết ranh giới nhà ông Trương Đình Mẫn (thửa 303, tờ bản đồ 55)	550.000
		Ngã Tư đất ông Nguyễn	Hết ranh giới nhà ông	550.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Đức (thửa 182, tờ bản đồ 53)	Trương Đình Việt (thửa 53, tờ bản đồ 56)	
Xã Ea Tân				
1	Phần còn lại đường liên xã đi Ea Tóh	Ngã ba Hội Ngộ (Thửa 130, tờ bản đồ 85)	giáp xã Ea Tóh (Đường Xình kè)	200.000
Xã Ea Hồ				
1	Đường phía đông trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Krông Năng	Giáp Quốc lộ 29 (thửa 52, tờ bản đồ 76)	Ngã tư nhà ông Khoa (thửa 07, tờ bản đồ 84)	1.000.000
2	Đường đi Nghĩa trang huyện Krông Năng	Ngã tư nhà ông Khoa (thửa 07, tờ bản đồ 84)	Hết ranh giới thửa đất của ông Phan Lúa (thửa 64, tờ bản đồ 39)	500.000

e) Huyện Krông Pắc

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Ea Yông				
1	Đường liên xã:	Hết trụ sở Hợp tác xã Ea Mlô	Ngã 3 nghĩa địa buôn Pan	1.500.000
		Ngã 3 nghĩa địa buôn Pan	Cầu Quận 10	350.000

g) Thị xã Buôn Hồ:

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Xã Bình Thuận				
1	Khu vực Ngã tư Bình Hòa (Điều chỉnh vị trí số thứ tự 03, đoạn số 05 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Minh Tấn (thửa đất 79, tờ bản đồ 85)	Hết ranh giới nhà ông Y Thanh Niê (thửa đất 47, tờ bản đồ 84)	500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2	Khu vực Ngã tư Bình Hòa (Bổ sung vị trí)	Hết ranh giới đất nhà bà Khiêm (thửa đất 09, tờ bản đồ 87)	Hết ranh giới xã Bình Thuận	250.000
		Đầu buôn Jút (từ hết thửa đất nhà ông Y Thanh Niê, thửa đất 47, tờ bản đồ số 84)	Hết ranh giới xã Bình Thuận	250.000

h) Thành phố Buôn Ma Thuột

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng:				
1	Đường số 1: quy hoạch rộng 12m			4.000.000
2	Đường số 2: quy hoạch rộng 12m			3.500.000
3	Đường số 3: quy hoạch rộng 12m			3.500.000
4	Đường số 4: quy hoạch rộng 12m			4.000.000
5	Đường số 5: quy hoạch rộng 12m			3.500.000
6	Đường số 6: quy hoạch rộng 12m			4.000.000
7	Đường số 7: quy hoạch rộng 12m			4.000.000

3. Bổ sung vào Bảng số 7: Giá đất ở tại đô thị

a) Huyện Cư M'gar

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Thị trấn Quảng Phú				
1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	4.000.000
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	2.500.000
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Điều chỉnh vị trí số thứ tự 30 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Trần Kiên	Phan Đình Phùng	3.000.000
3	Đường Lê Thánh Tông (Điều chỉnh vị trí số thứ tự 46)	Lê Văn Tám	Y Ngông Niê Kđăm	2.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)				

b) Huyện Krông Pắc

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Thị trấn Phước An				
1	Đường D2 quy hoạch 12m	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	6.500.000

c) Huyện Krông Bông

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Thị trấn Krông Kmar				
1	Đường 30-4	Ngã tư 30-4 và Lý Thường Kiệt (cuối thửa đất nhà ông Đặng Ngọc Cẩn)	Giáp ngã 3 Tổ dân phố 2 và Tổ dân phố 7	300.000
2	Đường Y Ôn	Ngã tư Y Ôn và Đinh Tiên Hoàng	Giáp thửa đất nhà ông Phan Thanh Quang	250.000
3	Hẻm đường Phạm Văn Đồng	Hết thửa đất nhà bà Lê Thị Năm	Hết thửa đất nhà ông Phạm Huy Tường	300.000

d) Huyện Krông Năng

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Thị trấn Krông Năng				
1	Điều chỉnh gộp hai đoạn: “Phía Đông Chợ huyện” (số thứ tự 21) từ: Nguyễn Tất Thành (ngã ba nhà ông Phi Linh) đến: Ngô Quyền và đoạn “Các đường nội bộ thị trấn” (số thứ tự 29) từ: Nguyễn Tất Thành (ngã ba nhà	Nguyễn Tất Thành (ngã ba nhà ông Phi Linh)	Ngô Quyền	4.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
	ông Phi Linh) đến: Ngô Quyền thành một đoạn: Phía Đông Chợ huyện (do bị trùng)			

đ) Thị xã Buôn Hồ

ĐVT: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Phường An Bình:				
1	Lê Quý Đôn (Thứ tự số 12, đoạn số 04 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hết ranh giới nhà ông Lê Quốc Hùng (thửa đất 13, tờ bản đồ 32)	Hết ranh giới nhà ông Ngô Công Thanh (thửa đất 23, tờ bản đồ 09)	1.500.000
		Thửa đất nhà ông Ngô Công Thanh (thửa đất 23, tờ bản đồ 09)	Cầu Bà Tĩnh	1.200.000
2	Nguyễn Thị Minh Khai (Thứ tự số 14, đoạn số 02 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Nguyễn Chí Thanh	Hết ranh giới đất ông Đỗ Viết Liên (Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4)	2.000.000
		Hết ranh giới đất ông Đỗ Viết Liên (Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4)	Hết đường	1.500.000
Phường Thiện An:				
1	Tổng Duy Tân (Thứ tự số 15 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Văn Bá (thửa đất số 104, tờ bản đồ 09)	360.000
2	Văn Cao (Thứ tự số 16 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Dương Công Càn (thửa đất số 160, tờ bản đồ 09)	360.000
3	Phạm Hồng Thái (Thứ tự số 19 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Ngọc (thửa đất số 90, tờ bản đồ 10)	360.000
4	Cao Xuân Huy (Thứ tự số 25 theo	Hùng Vương	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng	360.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
	Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)		Anh Chúc (thửa đất số 05, tờ bản đồ 41)	
Phường An Lạc:				
1	Bùi Hữu Nghĩa (Thứ tự số 55, gộp đoạn 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Phan Kiệm	Y Nông Niê kdăm	300.000
2	Giáp Hải (Thứ tự số 56, gộp đoạn 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Phan Kiệm	Trần Khánh Dur	300.000
3	Huỳnh Văn Bánh (Thứ tự số 57, gộp đoạn 1, 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Nơ Trang Long	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	300.000
4	Nguyễn Hiền (Thứ tự số 58, gộp đoạn 1, 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Nơ Trang Long	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	300.000
5	Trần Khánh Dur (Thứ tự số 59, gộp đoạn 1, 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Nơ Trang Long	Hết đường (giáp hồ Ea Hrah)	300.000
6	Đình Núp (Thứ tự số 60, gộp đoạn 1, 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Nơ Trang Long	Hết đường	300.000
7	Trần Cảnh (Thứ tự số 61, gộp đoạn 1, 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Nơ Trang Long	Hết đường	300.000
8	AMí Đoan (Thứ tự số 62, gộp đoạn 1 và 2 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Y Nông Niê Kdăm	Nơ Trang Long	300.000
9	Phan Kiệm (Thứ tự số 63, gộp đoạn 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Y Nông Niê Kdăm	Hết đường (hết ranh giới đất nhà ông Y Ju)	300.000
10	Y Đôn (Thứ tự số 64, gộp đoạn 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Y Nông Niê Kdăm	Hết đường (hết ranh giới đất nhà ông Y Dươn)	300.000
11	Phạm Phú Thứ (Thứ tự số 65, gộp đoạn 2 và 3 tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND)	Y Nông Niê Kdăm	Hết đường (giáp suối Krông Búk)	300.000
12	Đường N6	Trần Hưng Đạo	N2	4.200.000

e) Thành phố Buôn Ma Thuột

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
Khu dân cư Tân Phong, phường Tân Hòa:				
1	Đường N9 quy hoạch 16m song song với đường Phạm Văn Đồng	Xuân Thủy	Đường D6	5.000.000
2	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15m vuông góc với đường Phạm Văn Đồng			5.000.000
3	Đường D7 quy hoạch rộng 18m vuông góc với đường Phạm Văn Đồng			5.000.000
4	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15 m song song với Phạm Văn Đồng gồm các đường: N8, N10, N11, N15	D5	Đường D7	4.500.000
Khu dân cư phường Tân Hòa (Công ty 507)				
1	Đường quy hoạch rộng 14m (đường N1) giao với đường Trần Kiên			3.000.000
2	Đường quy hoạch rộng 14m (đường N2) giao với đường Trần Kiên			2.500.000
3	Đường quy hoạch rộng 14m (đường D2) song song với đường Trần Kiên			2.500.000
4	Đường quy hoạch rộng 12m (đường D1) song song với đường Trần Kiên			2.000.000
Khu dân cư tổ liên gia 35, phường Thành Nhất:				
1	Đường nội bộ quy hoạch rộng 20m giao với đường Mai Xuân Thưởng			8.000.000
2	Đường nội bộ quy hoạch rộng 20m giao với đường Thủ Khoa Huân			8.000.000
3	Đường nội bộ quy hoạch rộng 18m			7.000.000
4	Đường nội bộ quy hoạch rộng 14m			4.000.000
Khu dân cư tổ dân phố 4, phường Tân Lập:				
1	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 24m (đường Lê Vụ nổi dài)			10.000.000
2	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 16,5m (đường Trương Quang Tuân nổi dài)			5.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
3	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 18m (giao với đường Trương Quang Tuân)			6.000.000
4	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 11,5m (vuông góc với đường Lê Vụ nối dài)			5.000.000
5	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 8m (giao với hẻm 193 Nguyễn Văn Cừ)			4.000.000
Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập:				
1	Đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)	Lê Vụ	Nguyễn Văn Cừ	8.000.000
2	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 16,5m vuông góc với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			5.000.000
3	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 16,5m song song với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			5.000.000
4	Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 18m ((đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài, vuông góc với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ))			6.000.000
Phường Tân An:				
1	Đường Tô Hiệu	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	10.000.000
Khu dân cư phía Bắc, tổ dân phố 12, phường Tân An (bên cạnh Nhà máy bia và Trung tâm Bảo trợ xã hội)				
1	Đường nhánh 16: quy hoạch rộng 37m			9.000.000
2	Đường nhánh 15: quy hoạch rộng 24m			7.000.000
3	Đường nhánh 12: quy hoạch rộng 24m			7.000.000
4	Đường nhánh 11: quy hoạch rộng 32m			8.000.000
5	Đường số 3-N: quy hoạch rộng 12m			6.000.000
6	Đường số 2-N: quy hoạch rộng 10,5m			6.000.000
7	Đường số 1-N: quy hoạch rộng 10,5m			6.000.000
Khu dân cư thuộc điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị 1/500 khu dân cư đô thị khối 6, phường Tân An				
1	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 12m			6.000.000
2	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 6m			4.500.000
3	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 4m			4.000.000
Khu dân cư tổ dân phố 12, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột (khu				

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
chăn nuôi cũ 6,2 ha)				
1	Đường Dã Tượng: quy hoạch rộng 24m			6.000.000
2	Đường N1: quy hoạch rộng 24m			6.000.000
3	Đường N2: quy hoạch rộng 16m			5.500.000
4	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 16m			5.000.000
5	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 14m			5.000.000
Khu tái định cư tại khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đăk Lăk				
1	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 17m giao với đường Nguyễn Xuân Nguyên			6.000.000
2	Đường nội bộ: quy hoạch rộng 13m giao với đường Nguyễn Xuân Nguyên			5.500.000
Đường Đông Tây				
1	Đoạn qua phường Tân Thành			22.000.000
2	Đoạn qua phường Tự An			16.000.000
3	Đoạn qua phường Tân Lập			13.000.000
4	Đoạn qua xã Hòa Thắng			10.000.000
Phường Khánh Xuân:				
Đường Tô Hữu (Thứ tự số 240: bổ sung thông tin điểm đầu và điểm cuối)	Đoạn 1: Đoạn từ Ngã ba Duy Hòa, Võ Văn Kiệt		Bên phải hẻm 38 Tô Hữu (hết thửa 37, tờ bản đồ số 144, phường Khánh Xuân); bên trái hết thửa 238, tờ bản đồ 97, phường Khánh Xuân	8.000.000
	Đoạn 2: Đoạn bên phải hẻm 38 Tô Hữu (hết thửa 37, tờ bản đồ 144, phường Khánh Xuân); bên trái hết thửa 238, tờ bản đồ 97, phường Khánh Xuân		Hết ranh giới phường Khánh Xuân	5.000.000

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 4 của Quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đăk Lăk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh như sau:

“...12. Đối với đất sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất: được xác định theo giá đất

ở liền kề. Đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước cho thuê đất: được xác định bằng 80% của giá đất ở liền kề và được áp dụng điều chỉnh theo Điều 6 của Quy định này.”

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 5 năm 2022. *TM*

Nơi nhận: *NĐ*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk; Đài PT và TH Đắk Lắk;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Các phòng: KT, TH, CN;
- Lưu: VT, NNMT (TLC-45b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị